

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83 /2024/DS-ST

Ngày: 16-8-2024

V/v: tranh chấp hợp đồng vay tiền

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU C, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé

2. Ông Thạch Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Minh Châu, là Thư Ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 387/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2024, về việc tranh chấp hợp đồng vay tiền, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2024/QĐXXST-DS ngày 31/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1971; Địa chỉ: khóm 6, thị trấn Tiểu C, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

Bà Trương Thị Thu V, sinh năm 1975; Địa chỉ: khóm 6, thị trấn Tiểu C, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Duy Kh, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp Bình Tịnh B, xã Hòa T, huyện Măng Th, tỉnh Vĩnh Long (văn bản ủy quyền ngày 18/3/2024). Có mặt

- Bị đơn:

Ông Trương Văn T, sinh năm 1972. Địa chỉ: khóm 2, thị trấn Tiểu C, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Có đề nghị xét xử vắng mặt

Bà Lữ Thị B, sinh năm 1981. Địa chỉ: khóm 2, thị trấn Tiểu C, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Có đề nghị xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 15/3/2024, nguyên đơn ông Nguyễn Văn V, bà Trương Thị Thu V trình bày yêu cầu:

Ông T, bà B là anh ruột và chị dâu vợ chồng ông bà, do cần tiền đáo hạn Ngân hàng nên trong năm 2022 và năm 2023, ông T bà V nhờ vợ chồng ông bà thế chấp thửa đất 100, diện tích 238,6m², tờ bản đồ số 36, tọa lạc khóm 6, thị trấn Tiểu C, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh vay số tiền 700.000.000đ để cho vợ chồng ông T, bà B vay lại, do là anh chị em trong gia đình nên không có biên nhận, thỏa thuận mỗi tháng vợ chồng ông T, bà B đưa tiền cho ông bà trả lãi Ngân hàng bằng với tiền lãi Ngân hàng tính, nhưng đến ngày 11/12/2023 thì ông T, bà B không có khả năng đưa tiền để trả lãi Ngân hàng tiếp nên ông bà tự bỏ tiền đóng lãi Ngân hàng cho đến nay và cũng chưa trả tiền gốc. Vì vậy ông, bà khởi kiện ông T bà B yêu cầu trả tiền gốc và tiền lãi theo mức lãi mà ông bà đã trả cho Ngân hàng và trong đơn khởi kiện ghi Ngân hàng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại đơn yêu cầu thay đổi nội dung khởi kiện ngày 20/5/2024 nguyên đơn ông Nguyễn Văn V, bà Trương Thị Thu V cho rằng:

Số tiền 700.000.000đ mà ông V bà V cho ông T bà B vay không có liên quan Ngân hàng, không do hiểu nên lúc đầu khi khởi kiện ông bà ghi Ngân hàng là người liên quan và việc cho vay này không tính lãi, không biên nhận nợ, vì anh chị em trong gia đình cần tiền đáo hạn Ngân hàng nên nghĩ là cho mượn tạm thời gian ngắn sẽ trả. Nhưng ông T bà B không khả năng trả như lời hứa lúc mượn tiền nên mới khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án Tòa án có giải thích liên quan việc đưa Ngân hàng là người liên quan nên ông bà quyết định yêu cầu Tòa án bỏ Ngân hàng ra không còn là người liên quan nữa và thay đổi yêu cầu tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự, với mức 1,66%/tháng, từ ngày ông T, bà B không đưa tiền trả lãi cho Ngân hàng là ngày 11/12/2023, tạm tính đến ngày 11/5/2024 là 05 tháng, bằng: 58.100.000đ.

Tại phiên tòa ngày 22/8/2024 nguyên đơn ông Nguyễn Văn V, bà Trương Thị Thu V có mặt nhưng đồng ý cho người đại diện là ông Huỳnh Duy Kh trình bày thay cho ông, bà và ông, bà cùng thống nhất yêu cầu rút lại phần ủy quyền cho ông Huỳnh Minh Tr và rút lại phần yêu cầu người bảo vệ quyền lợi là bà Trần Hoàng Q.

Tại phiên tòa ông Huỳnh Duy Kh là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng:

Ông V bà V vẫn giữ yêu cầu khởi kiện ông T bà B đòi trả tiền vay gốc, thay đổi còn 600.000.000đ, vì đã trả được 100.000.000đ và trả tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự, với mức 1,66%/tháng. Vì từ ngày 11/12/2023 đến nay là ông T bà B không đưa tiền trả lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận nữa, đến ngày hòa giải 09/7/2024, tính tròn là 07 tháng, bằng 81.340.000đ (700.000.000đ x 1,66%/tháng x 07 tháng), từ ngày 09/7/2024 đến ngày xét xử ngày 22/8/2024, tính tròn 01 tháng, bằng 9.960.000đ. Như vậy, cộng chung gốc với hai phần lãi bằng 691.300.000đ (600.000.000đ + 91.300.000đ).

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án đối với thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành có mặt tại phiên tòa, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi nghiên cứu tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả diễn biến tại phiên tòa, nhận thấy: có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phần tiền gốc 600.000.000đ, vì bị đơn cũng thừa nhận thiếu và đồng ý trả nên đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Đối với tiền lãi, rõ ràng giữa hai bên có sự thỏa thuận bị đơn có nghĩa vụ đưa tiền cho nguyên đơn trả lãi Ngân hàng mỗi tháng và thực tế từ ngày vay tiền thì hàng tháng bị đơn có giao tiền cho nguyên đơn để trả lãi Ngân hàng theo mức lãi suất mà nguyên đơn vay tại Ngân hàng. Nhưng từ ngày 11/12/2023 do hoàn cảnh kinh tế nên bị đơn không đưa tiền trả lãi nữa và không trả nợ gốc là vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Đối với 100.000.000đ bị đơn đã trả và nguyên đơn đồng ý rút lại nên đề nghị đình chỉ theo quy định. Ngoài ra, đề nghị buộc bị đơn chịu án phí có giá ngạch trên số tiền phải trả và trả lại nguyên đơn tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sự vắng mặt tại phiên tòa của ông Trương Văn T và bà Lữ Thị B là có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét về nguyên đơn yêu cầu rút ủy quyền tham gia tố tụng đối với ông Huỳnh Minh Tr và yêu cầu rút người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tại phiên tòa đối với bà Trần Hoàng Q. Nhận thấy, việc rút các yêu cầu này là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện, ông V và bà V yêu cầu ông T và bà B trả tiền vay gốc tính đến ngày xét xử là 600.000.000đ và tiền lãi 1,66%/tháng tính từ ngày 11/12/2023 đến nay xét xử. Nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án tại biên bản hòa giải ngày 09/7/2024 (bút lục 61, 62, 63) và tại biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 01/8/2024 (bút lục 67 và bút lục từ 70 đến 75), ông T và bà B cùng thừa nhận có vay ông V và bà V 700.000.000đ, có trả 100.000.000đ, còn thiếu 600.000.000đ và cùng đồng ý trả số tiền này nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, có cơ sở buộc ông T, bà B trả cho ông V, bà V tiền vay gốc 600.000.000đ. Đối với số tiền 100.000.000đ chênh lệch so với đơn khởi kiện ban đầu, ông V và

bà V yêu cầu rút lại nên căn cứ vào điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử.

[4] Riêng về tiền lãi, tại biên bản hòa giải ngày 09/7/2024 bà B trình bày không yêu cầu tranh chấp về tiền lãi, không ý kiến phản đối và không có yêu cầu phản tố, cũng như qua lấy lời khai ngày 01/8/2024 đối với ông T hoàn toàn thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V, bà V và cũng không có yêu cầu phản tố. Nhận thấy, điều này thể hiện ông T, bà B thống nhất đồng ý mức lãi suất mà ông V, bà V yêu cầu. Hơn nữa căn cứ khoản 2 điều 357 quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền và điều 468 quy định về lãi suất của Bộ luật dân sự, thì mức 1,66%/tháng là không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay nên có cơ sở chấp nhận toàn bộ số tiền lãi mà ông V, bà V yêu cầu tính tròn và có lợi cho bị đơn với số tiền là 91.300.000đ, cụ thể được tính như sau : (1) tính từ ngày 11/12/2023 đến ngày 09/7/2024, tính tròn 07 tháng x 700.000.000đ x 1,66%/tháng = 81.340.000đ ; (2) tính từ ngày 10/7/2024 đến ngày xét xử là ngày 16/8/2024, tính tròn 01 tháng x 600.000.000đ x 1,66%/tháng = 9.960.000đ, cộng hai khoảng bằng 91.300.000đ.

[5] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử như nêu trên, nên có căn cứ chấp nhận

[6] Về án phí: căn cứ vào điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và **điều 26 của** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định, buộc bị đơn chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc ông Trương Văn T và bà Lữ Thị B có nghĩa vụ liên đới cùng trả cho ông Nguyễn Văn V và bà Trương Thị Thu V, số tiền 691.300.000đ (*bằng chữ: sáu trăm chín mươi một triệu, ba trăm nghìn đồng*). Trong đó:

Tiền gốc: 600.000.000 đồng

Tiền lãi: 91.300.000 đồng

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án (tất cả các khoản tiền) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử phần rút yêu cầu khởi kiện số tiền 100.000.000đ (*bằng chữ*: một trăm triệu đồng). Đương sự có quyền khởi kiện lại yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trương Văn T và bà Lữ Thị B chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 31.652.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho ông Nguyễn Văn V và bà Trương Thị Thu V tiền tạm ứng án phí đã nộp: 18.161.000 đồng, theo biên lai thu tiền số: 0002873 ngày 17/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND huyện Tiểu C;
- Chi cục THADS huyện Tiểu C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Kim Thị Hồng Nga